

Bản án số: 10/2018/LĐ-PT

Ngày: 08- 6 - 2018

V/v đơn phương chấm dứt hợp đồng  
lao động

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Hồ Minh Tân

*Các Thẩm phán:*

Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Hoàng Thị Hải Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐ-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐPT-LĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành L; Địa chỉ: Đường T, khóm 4, phường 9, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959 (Có mặt). Địa chỉ: Đường Đ, phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần A; Địa chỉ: Đường K, khóm 3, phường 5, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:* Ông Hồ Tấn L; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần A.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Ngô Hoàng V, sinh năm 1972(Có mặt). Địa chỉ: Đường N, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành L - Nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2017 được sửa đổi, bổ sung vào các ngày 01/8/2017, 07/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:*

Anh L được nhận vào làm việc tại Công ty H, nay là Công ty cổ phần A (Viết tắt Công ty) từ ngày 01/02/2010 theo hợp đồng lao động thời hạn 01 năm.

Anh đã làm việc tại Công ty từ năm 2010 cho đến ngày bị Công ty cho thôi việc. Ngày 27/7/2016, Giám đốc Công ty cổ phần A, ban hành Quyết định số 148/QĐ-CTN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với anh.

Quyết định này vi phạm điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 46, khoản 2 Điều 31 và Điều 208 Bộ luật lao động nên anh Nguyễn Thành L yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 148/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và nhận Anh L trở lại làm việc.

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 19/3/2017 bằng số tiền 77.046.920 đồng.

- Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 7.835.299 đồng.

- Tiền ăn giữa ca là 13.300.000 đồng.

- Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng

- Tiền lương nghỉ phép năm là 2.938.200 đồng

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chi phí khác 12.000.000 đồng

- Tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp là 17.000.000 đồng.

- Tiếp tục trả lương và các chế độ khác kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày nhận lại làm việc tại Công ty.

*Tại các lời khai của người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:*

Sau khi thực hiện cổ phần hóa theo chủ trương của UBND tỉnh Cà Mau, Công ty đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần. Tại cuộc họp đã kết luận thống nhất 100% tiến hành thực hiện tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức và bố trí lại lao động tại Công ty.

- Ngày 29/4/2016 Ban điều hành Công ty tổ chức cuộc họp giao ban thường kỳ theo đó Giám đốc Công ty đã chỉ đạo Thủ trưởng các bộ phận, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện các công việc để sắp xếp, bố trí nhân sự khi tái cơ cấu lại bộ máy hoạt động của Công ty trong bộ phận mình phụ trách.

- Ngày 09/5/2016, Ban điều hành Công ty tổ chức họp để trao đổi về Phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động sau cổ phần hóa với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở. Sau khi thống nhất Phương án với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị thông qua “ Phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động Công ty cổ phần A” tại Tờ trình số 19/TTr – BDH ngày 09/5/2016

- Ngày 12/5/2016, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT về việc thông qua “Phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động Công ty cổ phần A”.

- Ngày 13/5/2016, Giám đốc Công ty đã ban hành công văn số 36/CNCM-HC gửi lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Công ty chốt danh sách người lao động của đơn vị mình. Theo đó, Lãnh đạo các bộ phận, đơn vị trực thuộc

được quyền đề xuất, lựa chọn nhân sự để bố trí công việc cho phù hợp nhằm mang lại hiệu quả hoạt động và chịu trách nhiệm trước HĐQT về sự lựa chọn, đề xuất của mình.

- Ngày 16/5/2016, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Trưởng phòng Tổ chức hành chính làm việc lần lượt với từng Trưởng bộ phận, đơn vị trực thuộc có liên quan để chốt danh sách người lao động tiếp tục sử dụng sau khi tái cơ cấu. Căn cứ vào kết quả thống nhất tại buổi làm việc, Ban điều hành phối hợp với Công đoàn cơ sở Công ty thống nhất xây dựng hoàn chỉnh “Phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động” trình HĐQT phê duyệt tại Tờ trình số 22/TTr – BDH ngày 16/5/2016.

- Ngày 17/5/2016 HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết 06/NQ- HĐQT về việc thông qua “Phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động”.

- Căn cứ vào Phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, Giám đốc Công ty ban hành Quyết định số 69/QĐ- BDH ngày 17/5/2016 về việc điều động cán bộ, nhân viên không bố trí được việc làm sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy về Phòng tổ chức hành chính quản lý trong thời gian chờ hoàn tất thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động. Đồng thời, làm văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo về việc cho nhiều người lao động thôi việc tại Thông báo số 11/TB- CNCM ngày 17/5/2016.

- Ngày 18/5/2016, Công ty tổ chức cuộc họp triển khai “Phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí lại lao động và Phương án sử dụng lao động sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy đồng thời thông báo điều động 29 người lao động không bố trí được việc làm về Phòng tổ chức hành chính quản lý và có trách nhiệm bàn giao công việc cho đơn vị cũ trong thời hạn 30 ngày, sau 30 ngày sẽ chấm dứt hợp đồng lao động.

- Ngày 14/6/2016, Xí nghiệp C thành phố M là đơn vị trực thuộc Công ty có tờ trình gửi lãnh đạo Công ty đề nghị bổ sung thêm 02 lao động là Trần Công H và Huỳnh Bá H, trong đó có 01 trường hợp bổ sung để thay thế 01 người lao động nghỉ việc và Ngô Mộng Bảo Ch và 01 trường hợp bổ sung để thực hiện công tác ghi, bấm chì đồng hồ nước. Lãnh đạo Công ty thống nhất với nội dung Tờ trình của Xí nghiệp. Theo đó, Giám đốc Công ty đã ban hành Quyết định điều động ông Trần Công H và Huỳnh Bá H do Phòng tổ chức hành chính quản lý về làm việc tại Xí nghiệp C thành phố M.

- Ngày 16/6/2016, Giám đốc Công ty ban hành Thông báo số 15/TB- CNCM về việc gia hạn thời gian xử lý lao động dôi dư sau khi tái cơ cấu tổ chức bộ máy đến ngày 17/7/2016. Lý do gia hạn: Chờ kết quả làm việc của Tổ công tác kiểm tra, giám sát do ngày 16/6/2016 UBND tỉnh Cà Mau có công văn số 3935/UBND – KGVX về việc thành lập Tổ công tác liên ngành thực hiện việc kiểm tra lại Phương án tái cơ cấu của Công ty.

- Ngày 15/7/2016, Giám đốc Công ty ban hành Thông báo số 16/TB- CNCM về việc tiếp tục gia hạn thời gian xử lý lao động dôi dư đến ngày 16/7/2016. Lý do gia hạn: Tiếp tục chờ kết quả làm việc của Tổ công tác kiểm tra, giám sát.

- Hết thời gian gia hạn, ngày 27/7/2016, Giám đốc Công ty ký quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với 27 trường hợp không bố trí được việc làm. Vì lý do khách quan, đến ngày 24/8/2016 Công ty tổ chức cuộc họp công bố và trao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nhưng 27 người lao động không nhận quyết định với lý do: Chờ kết luận của UBND tỉnh Cà Mau.

Vào thời điểm sắp xếp lại bộ máy, tổ chức, anh Nguyễn Thành L làm việc tại Phòng giao dịch khách hàng trực thuộc Công ty.

Tiền lương và các chế độ chính sách, chi trả cho anh Nguyễn Thành L khi Công ty chấm dứt hợp đồng lao động như sau: Công ty đã chi trả tiền lương đến hết ngày 27/7/2016, chốt sổ Bảo hiểm xã hội đến hết tháng 7/2016, chi trả trợ cấp mất việc làm theo quy định. Do Anh L không nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động nên sổ bảo hiểm của Anh L hiện Công ty đang quản lý và số tiền chi trả trợ cấp mất việc làm hiện Công ty đang gửi tại Ngân hàng công thương tỉnh Cà Mau.

Công ty thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Nguyễn Thành L là đúng theo quy định của pháp luật và quyền lợi của Anh L đã được Công ty giải quyết đúng theo chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Do đó, Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Thành L.

*Tại bản án lao động sơ thẩm số 06/2018/LĐ-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân M quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 31, 36, 44, 46 và Điều 208 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào các Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L đối với Công ty cổ phần A về việc:

- Hủy Quyết định số 148/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và nhận Anh L trở lại làm việc.

- Chi trả tiền lương trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 27/7/2016 đến ngày 19/3/2018 bằng số tiền 77.046.920 đồng.

- Chi trả 02 tháng tiền lương theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động bằng 7.835.299 đồng.

- Tiền ăn giữa ca là 13.300.000 đồng.

- Tiền thưởng lễ 30/4/2017 - 01/5/2017 và nghỉ Tết là 4.000.000 đồng

- Tiền lương nghỉ phép năm là 2.938.200 đồng

- Tiền tổn thất tinh thần 33.200.000 đồng

- Chi phí nhờ tư vấn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chi phí khác 12.000.000 đồng

- Tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp là 17.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản lấy số tròn là 175.000.000 đồng.

- Buộc Công ty tiếp tục trả lương và các chế độ khác tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty nhận trở lại làm việc.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/04/2018 anh Nguyễn Thành L kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút lại một phần kháng cáo về số tiền yêu cầu như: Tiền tổn thất tinh thần, chi phí tố tụng. Yêu cầu chi trả tiền lương và các chế độ khác cho Anh L từ ngày không được làm việc đến ngày xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M với nội dung chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Thành L, hủy Quyết định số 148/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và nhận Anh L trở lại làm việc, buộc Công ty phải thanh toán chế độ tiền lương, bồi thường cho anh L và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với Anh L theo hình thức là “Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động” theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ Luật lao động. Để chấm dứt hợp đồng lao động với Anh L Công ty phải thực hiện các trình tự theo quy định tại Điều 44 và Điều 46 Bộ luật lao động.

[2] Về việc tuân thủ theo quy định tại Điều 44 và 46 Bộ luật lao động thấy rằng: Ngày 09/5/2016 Công ty đã phối hợp với Ban chấp hành công đoàn để trao đổi phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy và bố trí lại lao động, cùng ngày Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua phương án này. Ngày 12/5/2016 HĐQT ban hành Nghị quyết 05 thông qua phương án. Trong phương án được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 05 tại trang 17 có nội dung: “*Bước 2: Xây dựng phương án sử dụng lao động. Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty*”.

Theo khoản 3 Điều 44 Bộ luật lao động quy định “*Việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo quy định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động...*”, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động quy định “*Khi xây dựng phương án sử dụng lao động phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở*”.

Xét thời điểm xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức chưa có danh sách của những người bị chấm dứt hợp đồng lao động (ngày 09/5/2016). Tuy nhiên, ngày 16/5/2016 Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng phòng tổ chức làm việc với trưởng bộ phận, đơn vị trực thuộc chốt lại danh sách người lao động tiếp tục sử dụng sau khi tái cơ cấu không có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động. Như vậy, khi xây dựng phương án tái cơ cấu tổ chức bộ máy thì Công ty có họp ban chấp hành Công đoàn vào ngày 09/5/2016 để thông qua phương án. Tuy nhiên, đến bước quan trọng là xây dựng phương án sử dụng lao động thì không có tài liệu

nào thể hiện là Công ty trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở. Thực tế khi kết thúc cuộc họp ngày 16/5/2016 thì ngày 17/5/2016 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 06. Trong thời gian này không có tài liệu thể hiện việc trao đổi với Ban chấp hành Công đoàn là không đúng với Nghị quyết số 05 và không tuân thủ theo khoản 3 Điều 44, khoản 2 Điều 46 Bộ luật lao động.

[3] Mặc dù trong phương án và các danh sách chấm dứt hợp đồng lao động có chữ ký của bà Th và đóng dấu của Ban chấp hành Công đoàn nhưng không có bất cứ biên bản nào thể hiện khi xây dựng phương án sử dụng lao động có sự tham gia của Ban chấp hành Công đoàn. Như vậy, việc ký tên của bà Th là không đúng vì chưa có biên bản nào thể hiện việc Công ty trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động khi cho 27 người lao động thôi việc là vi phạm khoản 5 Điều 192 Bộ luật lao động.

[4] Như vậy, Quyết định số 148/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 được ban hành không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên cần chấp yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L, hủy Quyết định nêu trên và buộc Công ty phải nhận Anh L trở lại làm việc.

Do chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 148/QĐ-CTN ngày 27/7/2016 nên Công ty phải có trách nhiệm vật chất đối với Anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, cụ thể Công ty phải trả cho Anh L các khoản sau đây:

Về lương trong thời gian không được làm của Anh L từ ngày 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm Anh L yêu cầu mức lương 1.18 nhân với mức lương tối thiểu vùng từng thời điểm do Chính phủ quy định. Phía Công ty xác định mức lương Anh L nêu là đúng nên cần buộc Công ty phải trả cho Anh L số tiền là:

+ Từ ngày 27/7/2016 đến 30/12/2016 là 05 tháng 03 ngày x 1,18 x 3.100.000 đồng = 18.655.000 đồng;

+ Từ ngày 01/01/2017 đến 30/12/2017 là 12 tháng x 1,18 x 3.320.000 = 47.011.000 đồng;

+ Từ ngày 01/01/2018 đến 08/06/2018 là 05 tháng 08 ngày x 1,18 x 3.530.000 đồng = 22.341.000 đồng.

Tổng cộng 88.007.000 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường cho anh L bằng 02 tháng tiền lương (Tại thời điểm xét xử phúc thẩm theo mức lương cơ bản nhân với mức lương tối thiểu vùng) là 3.530.000 đồng/tháng x 02 tháng x 1,18 = 8.330.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng Công ty phải trả cho Anh L là 96.337.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm cho Anh L từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Anh L có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm khác cho anh Nguyễn Thành L từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi nhận anh trở lại làm việc.

Đối với tiền ăn giữa ca, Tiền thưởng lễ, Tết giữa người lao động và người sử dụng lao động không thỏa thuận trong hợp đồng và theo Điều 21 Nghị định số

05/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/01/2015 có quy định không tính tiền lương là tiền ăn giữa ca, tiền thưởng nên không chấp nhận yêu cầu này của anh Long.

Đối với tiền lương nghỉ phép năm, do buộc Công ty nhận Anh L trở lại làm việc nên Anh L có quyền thỏa thuận với Công ty để được nghỉ phép năm theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, chi phí tố tụng và chi phí khác. Xét thấy, việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần đã rút kháng cáo.

[5] Án phí lao động sơ thẩm, phúc thẩm Anh L không phải nộp, quá trình giải quyết anh được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần A phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo về: Bồi thường tổn thất tinh thần, chi phí tố tụng và chi phí khác.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Thành L. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2018/LĐ-ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M.

Áp dụng vào các Điều 22, 31, 36, 42, 44, 46 và Điều 208 Bộ luật Lao động; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L

- Hủy Quyết định số: 148/QĐ- CTN ngày 27/7/2016 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Nguyễn Thành L và buộc Công ty cổ phần A nhận anh Nguyễn Thành L trở lại làm việc.

- Buộc Công ty cổ phần A thanh toán cho anh Nguyễn Thành L tổng số tiền 96.337.000 đồng (Chín mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Buộc Công ty cổ phần A phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 28/7/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Anh L có nghĩa vụ phối hợp với Công ty để đóng các khoản bảo hiểm của người lao động theo quy định của pháp luật.

Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền lương và các chế độ bảo hiểm khác cho anh Nguyễn Thành L từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi nhận anh trở lại làm việc.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L đối với các khoản sau: Tiền ăn giữa ca, tiền thưởng lễ, Tết, tiền lương nghỉ phép năm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm phúc thẩm về lao động: Anh L không phải nộp, đã được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại. Công ty cổ phần A phải chịu án phí sơ thẩm là 2.890.000 đồng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân M;
- Chi cục THADS M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Minh Tấn**